TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2024/DS-PT Ngày: 15-4-2024 ***V/v:*** "Tranh chấp hợp đồng Dân sự có đặt cọc".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 42/2024/TLPT-DS ngày 13/3/2024 về tranh chấp: *"Hợp đồng Dân sự có đặt cọc"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1975; cư trú tại số A, đường T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1982; cư trú tại số H, đường N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7950, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 chứng nhận ngày 29/9/2022); có mặt.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1969; cư trú tại số H, quốc lộ B, thôn D, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1958; cư trú tại thôn C, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1806, quyển số 01-SCT/CK, ĐC ngày 17/10/2023); vắng mặt.

- Ông Phan Trọng C, sinh năm: 1956; cư trú tại số B, đường N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1708, quyển số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B chứng nhận ngày 10/4/2024); có mặt.

2/ Ông Phạm Đình T1, sinh năm: 1962; cư trú tại số A, đường P, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần An T2, sinh năm: 1966; cư trú tại số B, đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1983; cư trú tại thôn Á, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị Kim T4, sinh năm: 1989 ; cư trú tại số D, đường T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Tòa án không triệu tập.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V – Bị đơn, Bà Nguyễn Thị T3, ông Trần Anh T5 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/9/2022 của bà Nguyễn Thị Minh T, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Nguyễn Văn D, người đại diện theo ủy quyền của bà T, thì: Ngày 14/12/2021 bà T có thỏa thuận đặt cọc để nhận chuyển nhượng của ông V, ông T1 ½ diện tích của 03 thửa đất cụ thể như sau: thửa 688, tờ bản đồ số 35, diện tích 687m^2 đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT401208 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 10/10/2019; thửa 82, tờ bản đồ số 35, diện tích 931m^2 đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT401209 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 10/10/2019; thửa 687, tờ bản đồ số 35, diện tích 436m^2 đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT401210 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 10/10/2019; tất cả đều tọa lạc tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; giá trị chuyển nhượng một phần của 03 thửa đất trên là 7.500.000.000đ, đặt cọc trước 1.500.000.000đ, thời hạn đặt cọc là 90 ngày kể từ ngày 14/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hai bên sẽ tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi ký hợp đồng bên nhận chuyển nhượng sẽ trả hết số tiền

còn lại là 6.000.000.000đ cho bên chuyển nhượng. Ông V, ông T1 cam kết các thửa đất trên không có tranh chấp, không bị quy hoạch, hết thời hạn đặt cọc nếu bên chuyển nhượng không chuyển nhượng nữa thì phải bồi thường cho bên nhận chuyển nhượng gấp 03 lần tiền đặt cọc là 4.500.000.000đ, nếu bà T không nhận chuyển nhượng nữa thì mất tiền đặt cọc. Khi đến hạn thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì bà T nhiều lần yêu cầu ông V, ông T1 đến Văn phòng công chứng để ký kết hợp đồng nhưng các đồng bị đơn không thực hiện. Do vậy nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc ngày 14/12/2021 giữa bà với ông V, ông T1 và yêu cầu các đồng bị đơn trả lại tiền cọc là 1.500.000.000đ và phạt cọc 3.000.000.000đ, tổng cộng là 4.500.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/8/2023 bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc ngày 14/12/2021 giữa bà T với ông V, ông T1, buộc các đồng bị đơn trả lại khoản tiền đặt cọc là 1.500.000.000đ và tiền lãi đến ngày 09/10/2023 là 270.800.000đ (1.500.000.000đ x 0,95% x 19 tháng = 270.000.000đ). Tại phiên tòa đại diện hợp pháp cho nguyên đơn rút thêm một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000đ tiền đặt cọc, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.350.000.000đ và tiền lãi là 282.150.000đ (1.350.000.000đ x 0,95/tháng x 22 tháng = 282.150.000đ).

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Thành Đ, người đại diện ủy quyền của ông V, thì: Ông V, ông T1, ông T5 và bà T3 có sử dụng chung 03 thửa đất ở xã L, thành phố B. Ngày 14/12/2021 ông V, ông T5 và bà T3 đồng ý chuyển nhượng cho bà T một phần đất chung với số tiền là 7.500.000.000đ; thỏa thuận các loại thuế, phí bên nhận chuyển nhượng chịu. Bên chuyển nhượng đã nhận tiền cọc là 1.350.000.000đ, bà T trích 2% tiền hoa hồng cho ai thì phía ông V không biết. Hai bên thống nhất 90 ngày (tức ngày 14/3/2022) sẽ thanh toán hết tiền còn lại và các bên ký kết hợp đồng nhưng bà T không thực hiện. Nay ông V không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền cọc ông V nhận của bà T 1.350.000.000đ thì có chia cho ông T5 370.000.000đ, bà T3 233.000.000đ, còn lại 747.000.000đ ông V sử dụng. Trường hợp Tòa án buộc ông V có nghĩa vụ trả lại tiền cọc cho bà T thì ông V yêu cầu ông T5, bà T3 trả lại số tiền ông đã chia cho hai người.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Đình T1 thì: Ông và ông V cùng đồng sử dụng 03 lô đất như bà T đã trình bày. Ngày 14/12/2021 ông có chứng kiến việc bà T nhận chuyển nhượng phần đất của ông V đứng tên với giá chuyển nhượng 7.500.000.000đ; hai bên thỏa thuận đặt cọc 1.500.000.000đ; bà T chuyển cho môi giới 75.000.000đ, còn lại 75.000.000đ bà T giữ lại để làm hồ sơ đất. Ông không liên quan đến số tiền đặt cọc.

- Ông Trần Anh T5 xác nhận ông, ông V, ông T1 và bà T3 có chung nhau nhận chuyển nhượng 03 lô đất như đã nêu trên. Các ông, bà thỏa thuận để ông T1

và ông V đại diện đứng tên đồng sử dụng. Do bà T có nhu cầu nhận chuyển nhượng nên ông, ông V, ông T1, bà T3 đồng ý chuyển nhượng ½ diện tích của 03 lô đất trên. Các bên đã thỏa thuận đặt cọc, theo đó phía bà T đặt cọc cho ông V 1.350.000.000đ, trong thời hạn 90 ngày thì sẽ ra Văn phòng công chứng ký kết hợp đồng chuyển nhượng, do bà T không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên vào ngày 11/4/2023 ông V đại diện cho ông, ông T1, bà T3 yêu cầu bà T tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng bà T vẫn không thực hiện. Nay bà T có đơn khởi kiện thì ông không đồng ý.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị T3 thì: Bà xác nhận 04 người là ông V, ông T1, ông T5 và bà có góp tiền nhận chuyển nhượng chung 03 thửa đất gồm 688, 687 và 82, tờ bản đồ số 35, tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ông T1 và ông V góp tiền nhiều hơn nên 04 người thống nhất để cho ông T1 và ông V đứng tên đồng sử dụng 03 lô đất nêu trên. Ngày 14/12/2021 bà T có dẫn bà Ngô Thị Kim T4 đến hỏi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hai bên thỏa thuận chuyển nhượng ½ diện tích của 03 thửa đất vừa nêu, bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm làm thủ tục và nộp các loại thuế, phí. Giá chuyển nhượng là 7.500.000.000đ, đặt cọc trước 1.500.000.000đ, nhưng ông V chỉ nhận từ bà T 1.350.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản, còn lại 150.000.000đ bà T giữ lại và chi tiền hoa hồng cho ai thì bà không biết. Sau 03 tháng (từ ngày 14/12/2021 đến ngày 14/3/2022) hai bên tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng nhưng đến hạn bà T thay đổi ý kiến là nhận chuyển nhượng ít hơn so với hợp đồng đặt cọc ban đầu; bà và các ông V, T1, T5 đã yêu cầu bà T thực hiện hợp đồng nhưng bà T cố tình né tránh, sau một thời gian bà T trả lời không nhận chuyển nhượng nữa. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Theo lời trình bày của người làm chứng là bà Ngô Thị Kim T4 thì: Vào ngày 14/12/2021 bà là người viết hợp đồng đặt cọc cho bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Minh T và bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn V. Bà có làm chứng cho bà T chuyển tiền cho ông V 1.350.000.000đ, còn 150.000.000đ bà T giữ lại để chi hoa hồng. Hai bên thỏa thuận chuyển nhượng ½ diện tích của 03 lô đất, hợp đồng muốn thực hiện được thì phải chuyển mục đích và tách, hợp thửa. Do hai bên không thực hiện việc chuyển đổi mục đích và tách hợp thửa theo quy định nên không thể giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 02/2024/DS-ST ngày 15/01/2024; Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T: Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc 14/12/2021 giữa bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn V, ông Phạm Đình T1; buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả lại

cho bà T số tiền 1.632.150.000đ (trong đó tiền gốc là 1.350.000.000đ và 282.150.000đ tiền lãi).

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 3.150.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/01/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T về việc buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả lại số tiền lãi là 282.150.000đ, buộc ông V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 300.000đ đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc của nguyên đơn được chấp nhận.

Ngày 19/01/2024 ông Nguyễn Văn V, ông Trần Anh T5, bà Nguyễn Thị T3 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

C1 đương sự có mặt thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn V đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 1.350.000.000đ; đồng ý chịu 35.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Bà T thống nhất chịu 17.800.000đ án phí còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của ông T5 và bà T3, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy "Hợp đồng đặt cọc" ngày 14/12/2021 giữa bà và ông Nguyễn Văn V với ông Phạm Đình T1, buộc các đồng bị đơn phải trả lại 1.500.000.000đ tiền đặt cọc và tiền lãi đến ngày 09/10/2023 là 270.800.000đ. Các đồng bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng Dân sự có đặt cọc" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn V đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 1.350.000.000đ; đồng ý chịu 35.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Bà T thống nhất chịu 17.800.000đ án phí còn lại.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần công nhận. Tuy nhiên, do một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể sửa Bản án để công nhận sự thỏa thuận mà ban hành Bản án để ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Anh T5 và bà Nguyễn Thị T3 để sửa Bản án sơ thẩm; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền ông V phải trả cho bà T là 52.500.000đ; án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với việc hủy hợp đồng đặt cọc; tổng cộng là 52.800.000đ. Do các ông V và bà T thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí nói trên nên cần buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 35.000.000đ; bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 17.800.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Anh T5, bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 123, 131 và Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 26/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Anh T5, bà Nguyễn Thị T3, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T về việc "Tranh chấp hợp đồng Dân sự có đặt cọc" đối với ông Nguyễn Văn V, ông Phạm Đình T1.

Hủy "Hợp đồng đặt cọc" ngày 14/12/2021 giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Văn V, ông Phạm Đình T1.

Buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 17.800.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 56.550.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005299 ngày 07/10/2022 và số 0005923 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (ông Nguyễn Văn D nộp thay). Bà T được nhận lại 38.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 35.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006105 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Ông V còn phải nộp 34.700.000đ.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Anh T5 phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006107 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Ông T5 đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị T3 phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006106 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà T3 đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND tp. Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc (01);
- Đương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch